

GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ CỦA ĐỊA DANH LÀNG XÃ Ở QUẢNG BÌNH TỪ GÓC NHÌN NGÔN NGỮ HỌC

CULTURAL- HISTORICAL VALUES OF PLACE NAMES OF VILLAGES AND COMMUNES IN QUANG BINH PROVINCE

Hoàng Tất Thắng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, tatthang.dhkh@gmail.com

Tóm tắt - Trên cơ sở những đặc điểm về địa lý tự nhiên, về xã hội, lịch sử của tỉnh Quảng Bình, bài viết tiến hành khảo sát, thống kê, phân loại, phân tích và miêu tả một số giá trị văn hóa - lịch sử của hệ thống địa danh làng xã ở Quảng Bình. Những giá trị văn hóa - lịch sử của địa danh làng xã ở Quảng Bình được thể hiện ở các phương diện sau: a/ Thể hiện qua kiểu ngôn ngữ - văn hóa trong địa danh làng xã Quảng Bình; b/ Thể hiện qua nội dung phản ánh hiện thực và dấu ấn giao lưu với các nền văn hóa. Địa danh làng xã Quảng Bình thể hiện quá rõ nét sự gắn bó lẫn nhau giữa các phương diện văn hóa sinh hoạt, văn hóa lao động sản xuất và văn hóa vũ trang. Trong địa danh làng xã Quảng Bình còn có sự giao thoa của văn hóa Việt, văn hóa Hán, văn hóa Chăm, một đôi nét của văn hóa Ấn Độ và văn hóa các dân tộc thiểu số khác.

Từ khóa - giá trị văn hóa - lịch sử; địa danh làng xã; văn hóa sinh hoạt; văn hóa vũ trang; văn hóa Việt; văn hóa Hán; văn hóa Chăm.

Abstract - Based on characteristics of natural geography, history and culture of Quang Binh province, the study makes observation, statistics, classification, analysis and description of some cultural-historical values of the system of place names of villages and communes in Quang Binh province. The cultural-historical values of place names of villages and communes in Quang Binh province are manifested in the following aspects: a/ Manifestation via a type of cultural language of naming villages and communes in Quang Binh province; b/ Manifestation via the content of reflecting the reality and the hallmark of cultural exchanges. The place names in Quang Binh province transparently demonstrate the mutual connection among aspects including daily culture, labour and army cultures. They also reveal the contact among Vietnamese, Cham, Indian cultures and other ethnic minority cultures.

Key words - cultural-historical value, place names of villages and communes, daily culture, army culture, Vietnamese culture, Han culture, Cham culture.

1. Đặt vấn đề

Như đã biết, địa danh là đối tượng nghiên cứu không chỉ riêng của ngành ngôn ngữ học mà còn của nhiều ngành khoa học khác như sử học, địa lý, khảo cổ, văn học,... Tuy nhiên, địa danh là một bộ phận đặc biệt của hệ thống từ vựng. Địa danh được dùng để đặt tên cho các đối tượng địa lý có vị trí xác định trên bề mặt của trái đất. Trong quá trình ra đời, tồn tại và phát triển, địa danh luôn luôn chịu sự tác động của quy luật ngôn ngữ. Do đó, nghiên cứu địa danh nói chung, địa danh làng xã Quảng Bình nói riêng chính là nghiên cứu về cấu tạo, phương thức định danh, ý nghĩa của các yếu tố cũng như quy luật hình thành và biến đổi của địa danh; làm sáng tỏ mối quan hệ gắn bó, tác động qua lại giữa địa danh với văn hóa, lịch sử, địa lý của vùng đất mà nó chào đời.

Quảng Bình là một tỉnh thuộc Bắc Trung bộ, có vị trí chiến lược về nhiều mặt. Trước hết, Quảng Bình án ngữ con đường thông thương đối miền Nam Bắc của đất nước, sau nữa là lá chắn xung yếu nhất, gần nhất từ đây Trường Sơn hay từ biên giới Việt Lào thông ra biển Đông. Tuy là một trong những tỉnh về diện tích nhỏ hẹp nhất ở miền Trung, nhưng Quảng Bình gần như hội tụ các dạng địa hình với vùng núi đá vôi, vùng đồi trung du, vùng đồng bằng chiêm trũng và vùng cồn cát ven biển.

Về thủy văn, Quảng Bình có nhiều sông ngòi nhưng ngắn và dốc. Tất cả bắt nguồn từ hệ thống khe suối và các mạch nước ngầm ở sườn Đông dãy Trường Sơn rồi đổ ra biển. Điều kiện tự nhiên, khí hậu ở Quảng Bình tương đối khắc nghiệt so với các vùng khác trong cả nước. Tuy không được ưu đãi về khí hậu, lịch sử, địa hình, nhưng đôi lại, Quảng Bình có rất nhiều cảnh đẹp nổi tiếng với hệ thống hang động, sông ngòi, bãi biển, mà hơn 400 năm trước,

trong Ô Châu cận lục, Dương Văn An đã viết: "... mặt đất thì non sông tốt đẹp, biển cả thì sóng nước mênh mông, sông Bình Giang trong trẻo, sông Linh Giang bao la, núi Hoành Sơn hùng vĩ, núi Cẩm Ly kinh kì, núi Đầu Mâu vượng khí. Thật là nơi kì dị của đất trời" [1].

Về lịch sử, thời Bắc thuộc, Quảng Bình còn là đất Chiêm Thành thuộc các châu Bồ Chánh, Địa Lý, Ma Linh. Năm 1605, Nguyễn Hoàng đổi châu Bồ Chánh thành phủ Quảng Bình. Tên gọi tỉnh Quảng Bình ra đời năm 1831, thời Minh Mạng. Các làng xã ở Quảng Bình được hình thành chủ yếu từ hai đợt di dân lớn từ các tỉnh phía Bắc vào: đợt di dân từ thời Lý (thế kỉ XI) và đợt di dân từ đời Lê Thánh Tông (thế kỉ XV). Đặc điểm địa hình tự nhiên và nhất là đặc điểm về lịch sử - xã hội ấy là những tiền đề quan trọng để hình thành nên hệ thống địa danh Quảng Bình nói chung, hệ thống địa danh làng xã nói riêng, đặc biệt hình thành những làng văn vật nổi tiếng: *Sơn - Hà - Cảnh - Thổ - Văn - Võ - Cổ - Kim* (Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Liễu, Kim Nại).

Quảng Bình là nơi ghi nhận nhiều dấu ấn lịch sử quan trọng (là bãi chiến trường trong cuộc nội chiến tương tàn giữa hai thế lực phong kiến: Đảng trong - Đảng ngoài; là nơi ghi nhiều chứng tích qua hai cuộc kháng chiến thần thánh chống ngoại xâm của dân tộc: thực dân Pháp và đế quốc Mỹ), là nơi phân chia, hội tụ của nhiều nền văn hóa (văn hóa Đông Sơn, văn hóa Bầu Tró, văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm,...). Do vậy, sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ, văn hóa của vùng đất này cũng diễn ra rất phong phú. Vì thế, việc nghiên cứu địa danh làng xã Quảng Bình sẽ góp phần làm sáng tỏ về lịch sử, dân cư, văn hóa của vùng đất Quảng Bình; góp phần làm sáng tỏ phương ngữ Quảng Bình, bổ sung nguồn cứ liệu cho việc nghiên cứu

phương ngữ Trung nói riêng, tiếng Việt nói chung.

Việc nghiên cứu địa danh làng xã nói riêng, địa danh tỉnh Quảng Bình nói chung, cho đến nay, tuy chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống nhưng cũng đã có đề cập chấm phá trong các công trình về địa lý, lịch sử từ xưa đến nay. Xưa nhất phải kể đến *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi, *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn,...

Đến thế kỷ XX có các công trình *Địa lí - lịch sử Quảng Bình* của Lương Duy Tâm, *Làng xã văn hóa Quảng Bình* của Tạ Đình Nam, *Địa chí Đồng Hới* của Nguyễn Tú, *Địa chí văn hóa miền biển Quảng Bình* của Văn Lợi - Nguyễn Tú, *Biên soạn địa danh văn hóa - lịch sử Quảng Bình phục vụ du lịch* của Hoàng Tất Thắng, ... [3], [5], [6].

Cũng cần giới thuyết thêm về *địa danh làng xã*. Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “Làng xã là khối dân cư ở nông thôn làm thành một đơn vị có đời sống riêng về nhiều mặt, là đơn vị hành chính thấp nhất thời phong kiến”. Suốt nhiều thế kỉ, **làng** là đơn vị tụ cư cổ truyền lâu đời ở nông thôn người Việt và là nhân tố cơ sở cho hệ thống nhà nước quân chủ từ xa xưa. Từ thời Hùng Vương, **làng** được gọi là **chạ** tương đương với **súc** (của người Khơme), **bản**, **mường** (của các dân tộc thiểu số phía bắc), **buôn** (của các dân tộc thiểu số Tây nguyên). Làng của những người làm nghề chài lưới được gọi là **vạn** hay **vạn chài**.

Từ thời phong kiến, “làng” là tên gọi Nôm tồn tại trong dân gian, mang tính truyền thống. “Xã” là tên gọi Hán Việt tồn tại chính thức trong văn bản hành chính nhà nước. Cả hai tên gọi này được dùng để gọi cùng một đối tượng địa lí – đơn vị dân cư nhỏ nhất, hoàn chỉnh, bao gồm những thiết chế về văn hóa – xã hội khá ổn định và có lịch sử lâu đời. Đối tượng địa lí đó gọi là **làng xã**. Địa danh làng xã chính là tên gọi những đối tượng địa lí như vậy.

2. Kết quả thu thập và phân loại địa danh làng xã Quảng Bình

Tên gọi địa danh bao giờ cũng phải bảo đảm tính thống nhất giữa thực tế và văn bản. Vì vậy khi thu thập tư liệu về địa danh, chúng tôi đã lấy tên gọi trên thực tế và đối chiếu với tên gọi trên văn bản để làm cơ sở cho độ tin cậy của địa danh.

Qua quá trình điền dã, kết hợp với việc tìm hiểu, thu thập thông tin từ các nguồn tư liệu nghiên cứu, từ hệ thống văn bản của các cơ quan quản lí nhà nước, chúng tôi đã thu thập được 1039 đơn vị địa danh làng, xã, thôn, bản ở Quảng Bình, trong đó có 141 địa danh số, 898 địa danh chữ [2].

Việc phân loại hệ thống địa danh làng xã Quảng Bình có thể theo các tiêu chí sau đây:

a. Theo tiêu chí địa bàn phân bố, trong tổng số 1039 đơn vị có 606 đơn vị địa danh ở vùng đồng bằng (không kể thành phố, đô thị), 433 đơn vị địa danh ở vùng núi.

b. Theo tiêu chí nguồn gốc ngôn ngữ, trong tổng số 1039 đơn vị địa danh có 375 địa danh được cấu tạo từ các yếu tố thuần Việt, 428 địa danh được cấu tạo từ các yếu tố Hán Việt và 53 địa danh được cấu tạo từ các ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

Trong số các hệ thống địa danh được phân chia theo tiêu chí đặc điểm của đối tượng định danh (địa danh chỉ các đối tượng tự nhiên, địa danh chỉ các đối tượng công trình xây dựng và địa danh chỉ các đơn vị hành chính, làng xã, vùng miền), thì hệ thống địa danh hành chính, làng xã, vùng miền ở Quảng Bình biến đổi nhiều nhất. Chẳng hạn, *làng Lê Sơn* có tên xưa là *xứ Cồn Vang*. Đầu thế kỉ XVI hình thành hai làng *Lê Sơn thượng* và *Lê Sơn hạ*. Đến thế kỉ XVII, người ta gọi là làng *Lê Sơn thượng* và trang *Lê Sơn hạ*. Đầu thế kỉ XIX nhập lại thành *làng Lê Sơn*. Làng Lý hòa cũng đã từng thay đổi qua nhiều tên gọi: *Thuận Có*, *Thuận Có Bắc*, *Lý Ninh*, *Lý Hòa*, *Hải Trạch*. Một trong những nguyên nhân khiến cho các địa danh làng xã thường biến đổi là nguyên nhân xã hội – tâm lí. Do chỗ tiếng Hán Việt đã một thời gian dài trở thành ngôn ngữ văn tự ở Việt Nam, đồng thời, người Việt thường xem tiếng Hán Việt là kêu, là sang, do vậy các vùng nông thôn, bên cạnh địa danh hành chính được đặt bằng tên Hán Việt lưu hành trong các văn bản, còn tồn tại trong kí ức của cư dân các tên làng như *Cổ Liễu – Tréo*, *Vạn Trạch – Kẽ Hạc*, *Đồng Trạch – Đồng cao*, *Tây Trạch – Kẽ Rây*, ...

3. Giá trị văn hóa - lịch sử của địa danh làng xã Quảng Bình

Qua các tài liệu lịch sử ghi chép lại và các gia phả còn lại, làng xã Quảng Bình được hình thành từ thời nhà Lý, đến cuối thế kỷ XV đã ổn định và phát triển. Trên bình diện lịch sử hình thành làng xã Quảng Bình, có thể tóm tắt thành ba thời kì hình thành và phát triển.

Thời kỳ thứ nhất, làng xã Quảng Bình được đánh dấu bằng cuộc di dân đầu tiên vào năm 1075. Sau khi vua Lý Thánh Tông đánh thắng Chiêm Thành năm 1069, vua Chiêm bị bắt xin dâng ba châu là Bồ Chính, Địa Lý và Ma Linh để chuộc mạng. Năm 1075, vua xuống chiếu mộ dân vào ba châu, khai hoang, lập ấp. Khi đem quân binh vào khai thác vùng đất ba châu mới, Lý Thường Kiệt đã thi hành chính sách “ngu binh ư nông” (đóng quân làm ruộng), vừa để giữ yên bờ cõi, vừa để khai hoang, phát triển nông nghiệp mà người xưa gọi hình thái này là “động vi binh, tịnh vi nông”. Đây là thời kỳ bắt đầu ra đời hệ thống làng xã ở vùng đất này. Dấu vết còn để lại khá rõ nét qua các tên làng như *Lê Xá*, *Võ Xá*, *Châu Xá*, *Thái Xá*, *Trần Xá*, *Ngô Xá*, *Phan Xá*... nghĩa là những người cùng một họ thường đi với nhau và cùng cư trú thành một làng.

Thời kỳ thứ hai được đánh dấu bằng những cuộc di dân vào thời Trần cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Cùng với các dòng họ của các cư dân đã định cư dưới thời Lý, các cuộc di dân dưới đời Trần đã diễn ra ồ ạt hơn. Vai trò của các quan lại, quý tộc nhà Trần vào định cư ở đây được đề cao, tạo điều kiện cho việc mở rộng quy mô khai phá, lập ấp, dựng làng... Do đó, đã xuất hiện nhiều tên làng mang tên họ của người lập ra điền trang như *thôn Hoàng Trung Lộc*, *Hoàng Đàm*, ... Khác với đợt di dân thời Lý, đợt di dân thời Trần chú trọng cả nông nghiệp lẫn thủ công nghiệp, thương nghiệp và cả ngư nghiệp. Vì vậy nhiều làng được gọi là **kẽ** như *Kẽ Đồng*, *Kẽ Hạc*, *Kẽ Rây*, *Kẽ Thá*, *Kẽ lái*, ...; nhiều thôn, phường ra đời.

Thời kỳ thứ ba vào thế kỷ XVII, tức là tính từ khi dòng người theo Nguyễn Hoàng vào nam. Thời chúa

Nguyễn, nhất là sau khi cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn ngừng chiến, vùng phía nam sông Gianh có thêm một loại hình làng xã mới từ chính sách phục viên và định cư tại chỗ, lấy tên đơn vị quân đội làm tên làng như *làng Trung Nghĩa*, thuộc xã Nghĩa Ninh vốn gốc từ đơn vị Trung Nghĩa chuyên canh giữ thành ngoài *cửa quan Võ Thắng, làng Ba Đồn, Dinh Mười, Hà Cừ, Trung Bình*...

Như vậy, các làng ở Quảng Bình đều có lịch sử khoảng trên dưới 600 – 900 năm và có nguồn gốc tổ tiên từ nhiều tỉnh ở miền Bắc, ngoài Thanh-Nghệ-Tĩnh còn có Hà Nam, Nam Định, Hà Bắc, Hải Phòng, Hải Dương,... theo chủ trương mộ dân tuyền lĩnh vào khai hoang lập làng ở phía nam của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Ở Quảng Bình, các tên làng, tên xã phần lớn đều mang một ý nghĩa khá rõ ràng. Tên làng ở Quảng Bình có thể chia ra theo tên gọi dân gian lưu truyền từ xưa đến nay, bao gồm: làng nghề, làng văn vật, làng căn cứ địa lịch sử chứa đựng nhiều sự tích anh hùng.

a. *Địa danh làng nghề*. Ở Quảng Bình trước đây cư dân đã sớm tạo cho mình các ngành nghề thủ công truyền thống vẫn còn lưu giữ đến ngày nay như nghề rèn, đúc, luyện gang, mộc dệt, chiếu, nón lá, làm giấy, dệt vải, chạm trổ, nấu đường đen, nước mắm, làm muối... Các nghề thủ công đó đã tạo nên các địa danh nổi tiếng như các *làng mộc Trúc lý, Quảng Cư, Hòa Ninh, Mai Xá; Các làng rèn Hoàng Giang, Phan Xá; làng đan Thọ Đon; làng giấy Tuy Mộc, Đại Phong, làng nón lá Thổ Ngọa, làng dệt Lũ Phong, Võ Xá, Quảng Xá, Khương Hà*,...

Chẳng hạn, *làng An Xá* (Lộc Thủy, Lệ Thủy – quê hương Đại tướng Võ Nguyên Giáp) là một làng cổ, được hình thành vào cuối thế kỉ XIV. Những vị tiền hiền của làng vốn gốc từ Thiên Hóa, Thanh Hóa di cư vào. An Xá có nghề truyền thống nổi tiếng là nghề chiếu cói.

b. *Địa danh làng văn vật*. Ở Quảng Bình trước năm 1945 đã xuất hiện các làng khoa bảng, văn vật. Đó là những làng có truyền thống hiếu học và có nhiều người đỗ đạt cao trong khoa cử như bát danh hương “*Son, Hà, Cảnh, Thổ, Văn, Võ, Cổ, Kim*”. Đó là các làng *Lệ Sơn, La hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền, Kim Nại*.

Chẳng hạn, *làng Cảnh Dương* (xã Cảnh dương, huyện Quảng Trạch) là một làng cổ có lịch sử trên 300 năm. Năm Quý Mùi (1643), những ông tổ đầu tiên của làng từ phủ Đức Quang, huyện Châu Lộc (nay là Nghi Lộc, Nghệ An) vào lập nghiệp nơi đây. Là cửa khẩu vùng Roòn, Cảnh dương là điểm hội tụ của nhiều tuyến giao thông thủy bộ. Nhìn từ xa, Cảnh Dương như một con thuyền đang neo trên bến. Từ Cảnh Dương nhìn ra khơi xa sẽ thấy nhiều hòn đảo lớn nhỏ như Hòn La, Hòn Nôm, Hòn Cò, Hòn Ông,...nhô cao trên sóng cả. Phía bắc có núi Phượng giăng dài cận kề dòng Loan Giang dội sóng tạo nên “sông Loan núi Phượng hữu tình”. Cảnh Dương có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt và làm quan dưới triều Lê Nguyễn. Làng Cảnh dương có nhiều lễ hội truyền thống như hội bơi chải, hội hát chèo cạn, hội đánh cờ người,... Không chỉ là một làng có truyền thống văn vật, Cảnh Dương còn là một làng có truyền thống lịch sử đấu tranh kiên cường trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, làng Cảnh dương kiên cường rào

làng chiến đấu, chìm thuyền xuống sông, ngăn không cho tàu giặc lấn sâu vào làng, trở thành một làng chiến đấu kiểu mẫu trong cuộc chiến tranh nhân dân.. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Cảnh Dương đã bám đất, bám làng, kiên cường chiến đấu, bắn rơi nhiều máy bay, tàu chiến của địch, giữ vững mạch máu giao thông thủy bộ, góp phần quan trọng trong việc chi viện cho chiến trường miền Nam.

c. *Địa danh làng căn cứ địa lịch sử*. Trong cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn (thế kỉ XVII) đã xuất hiện *làng Ba Đồn*, tức là tên gọi ở vùng có ba cái đồn (gồm ba làng: Phan Long, Trung Thuận và Xuân kiều) nơi đóng quân của binh lính Trịnh. *Dinh Mười* là làng có cái dinh thứ mười của chúa Nguyễn. *Làng Trung Nghĩa* gốc là từ đội quân Trung Nghĩa canh giữ phía ngoài cửa Võ Thắng quan. Hai làng *Hà Thôn, Cừ Thôn* được hình thành từ đơn vị thủy binh chiến Hà Cừ...*Làng Xuân Bồ* (xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy) là một làng cổ hình thành từ thời chúa Nguyễn. Từ đầu, làng có tên là Cồn Bồ, sau đổi sang Quần Bồ và đến năm 1838 được đổi tên là Xuân Bồ. Xuân Bồ là một địa danh tiêu biểu cho vùng đất có truyền thống đánh giặc kiên cường. Hơn 60 năm về trước (20.5.1950), Trận Xuân Bồ là trận quyết chiến giữa quân và dân ta với quân lính Pháp. Trong trận này, ta đã tiêu diệt và làm bị thương trên 500 tên địch, góp phần quan trọng vào thể trận ở chiến trường giữa ta và địch, làm rạng danh tên tuổi người anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân – liệt sĩ Lâm Ủy.

d. *Địa danh ngôn ngữ các dân tộc thiểu số*. Đó là những địa danh làng bản của các tộc người: Vân Kiều, Chứt, Poọng, Rục, Mày, Sách, Khorme, Mã Liêng, A Rem...sinh sống ở miền núi phía tây Quảng Bình. Hệ thống địa danh này chủ yếu do người dân tự đặt và đã được nhà nước ta công nhận sau này. Các bản làng như *Bản Poloang, Krong, Tàrà, Ý Leng, Pa Chong*,...

Có những địa danh tiếng dân tộc đã được Việt hóa một phần như *Pa Chong, Pơ Loang, Pa Mai*... Có những địa danh được đặt tên theo kiểu Việt hóa gần như hoàn toàn theo cách phát âm của người Việt như *bản Si, bản Ôn, bản Lôm*,... Lại có những địa danh đặt hoàn toàn theo tiếng Việt như *bản Chuối, bản Cáo, bản Kè, bản Dốc, bản Mây*,...

Xem xét địa danh các dân tộc thiểu số ở Quảng Bình, chúng tôi thấy phần lớn tên làng bản của dân tộc nào đều đặt theo kiểu ngôn ngữ của dân tộc đó như *Ka Ai, Ta leng, K – Oóc, Pa Chong*... (dân tộc Chứt), *A Ky, Noòng, Cà Roòng, Chấm Pu*... (dân tộc Ma Coong), *Lô Ô, Pơ Loang, Rìn Rìn*... (dân tộc Vân Kiều)....

Quảng Bình với những đặc điểm thiên nhiên đa dạng, với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước từ khi là “phên dậu” phía nam của nước Đại Việt, địa đầu của cuộc chiến Trịnh Nguyễn phân tranh, là chiến tuyến Bắc Nam trong chiến tranh chống đế quốc Mỹ...Những điều kiện về tự nhiên và những biến đổi về lịch sử ấy đã in dấu vào đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người dân Quảng Bình, tạo nên một nét riêng, một kiểu đặc trưng văn hóa làng xã vùng đất này:

a. *Thể hiện ngôn ngữ - văn hóa trong địa danh làng xã* Quảng Bình. Địa danh làng xã Quảng Bình được cấu tạo bằng các yếu tố thuần Việt mang sắc thái địa phương như: *Troóc, Bùng, bản Kè, Cồn Két, Sao Sa, bản Troi, Ba Rền*...

Các địa danh được cấu tạo bằng yếu tố Hán Việt thể hiện hàm ý sâu xa, những ước vọng cao đẹp của con người, trong đó mang đậm dấu ấn văn hóa của vùng đất Quảng Bình. Các địa danh được cấu tạo bằng các yếu tố ngôn ngữ dân tộc thiểu số thể hiện cách tri giác cụ thể, dân dã chân thực của đồng bào miền núi thông qua việc đặt tên làng xã gắn với sông suối, núi đồi, sản vật của vùng núi như *bản Khe Cát, bản Cáo, bản Chuối, bản Cây Cà, bản Lò Ô...*

b. Thể hiện qua nội dung phản ánh hiện thực và dấu ấn giao lưu với các nền văn hóa. Mạnh đất Quảng Bình trước đây là địa bàn cư trú của người Chăm cổ, tập trung nhất là vào thế kỷ thứ XIII-IX. Tuy nhiên ngày nay sự tồn tại của loại hình làng Chăm cổ ở Quảng Bình rất mờ nhạt. Dấu vết văn hóa của người Chăm còn lại như *lũy Cù Hoành Sơn, lũy Hoàn Vương, tượng Chàm, miếu Chàm* ở Quảng Trạch, *thành Kê Hạ* ở Bố Trạch, *thành Nhà Ngô* ở Lệ Thủy...

Địa danh làng xã Quảng Bình là một bức tranh hiện thực sinh động về nhiều mặt của đời sống, mang những dấu ấn nhất định về lịch sử và văn hóa của vùng đất mang tên địa danh và thời điểm mà nó chào đời. Địa danh *làng Tây Trúc* (tên gọi nước Ấn Độ) thể hiện sự du nhập của văn hóa Ấn Độ vào Quảng Bình nói riêng, Việt Nam nói chung; địa danh *Ngư Thủy* ghi lại dấu tích của trận địa pháo Ngư Thủy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, địa danh *làng Văn La* ghi đậm dấu tích địa đạo Văn La...

Một số địa danh làng xã ẩn chứa bên trong những sự tích, huyền thoại, dấu ấn của tín ngưỡng tôn giáo, những quan niệm của con người về cuộc sống và thế giới xung quanh như các địa danh *làng Phúc Kiều* với sự mong cầu điều phúc sẽ đến, *làng Diên Phúc* mong muốn điều phúc được bền lâu, mãi mãi, *làng Pháp Kệ* (bài văn của Phật) thể hiện tâm niệm sống theo những lời mà Phật đã răn dạy của dân làng.

Ngay từ khi khai phá, các làng mạc ở Quảng Bình đã quần tụ trên những địa bàn thuận lợi ở các vùng ven sông, ven biển, đầm phá, vùng gò đồi và vùng đồng bằng có những con sông lớn. Vì vậy, tên làng mà họ đặt ra cũng gắn với địa hình mà họ cư trú [4]. Các địa danh làng xã ở vùng ven biển, ven sông thường được đặt tên với một trong các yếu tố “*hải*”, “*thủy*”, “*hà*”, “*giang*” như *Lệ Thủy, Phong giang, Thượng Giang, Xuân Giang, Long Thủy, Đại Thủy, Hà Dương, Hà Thôn, Hà Trung...*

Các làng xã vùng núi cao thường được đặt các tên với yếu tố “*son*” như *Long sơn, Tân Sơn, Liên sơn, Xuân Sơn, Thiết Sơn...*

Bên cạnh những đặc điểm văn hóa của địa danh làng xã Quảng Bình nói trên, ta còn thấy các yếu tố cấu tạo địa danh làng xã Quảng Bình có ý nghĩa liên quan đến nghề nghiệp và những mong ước về một vùng quê trù phú, giàu có, làm ăn phát đạt, mùa màng nông nghiệp thuận lợi, con người cần cù chịu khó trong lao động sản xuất. Vì vậy, nhiều yếu tố cấu tạo trong địa danh như “*an*”, “*yên*”, “*hòa*”, “*binh*”, “*vĩnh*”,... tồn tại trong các tên làng như *Lộc An, An*

Xá, An Lão, Yên Bình, Yên Hòa, Bình An, Bình Minh, Bình Hải, Hưng Thịnh, Hưng Lộc,... Theo thống kê của chúng tôi, có 32 địa danh có yếu tố *Phú*, 24 địa danh có yếu tố *Lộc*, 24 địa danh có yếu tố *Hòa*, 18 địa danh có yếu tố *Bình*, 39 địa danh có yếu tố *Thanh*, 17 địa danh có yếu tố *Mỹ*,... Điều đó cho thấy những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, xã hội - lịch sử của vùng đất Quảng Bình, một vùng đất hẹp, khí hậu khắc nghiệt, đời sống khó khăn, không được thiên nhiên ưu đãi, lại là nơi phải gánh chịu hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh liên miên trong lịch sử.

Có thể nói, làng xã ở Quảng Bình là một mẫu hình, hội tụ đầy đủ các yếu tố “*văn hóa làng*”, là cơ sở cảm nhận thực thể làng văn hóa từ cấu trúc, thiết chế đến văn hóa vật chất và tinh thần. Làng xã ở Quảng Bình vừa mang những nét đặc trưng của làng xã Việt Nam cổ truyền, vừa mang những nét riêng của văn hóa làng xã miền Trung và đặc biệt là vùng đất Quảng Bình. Những đặc điểm về địa lý, lịch sử, văn hóa đã chi phối quá trình phân bố dân cư, hình thành hệ thống làng xã theo nhiều kiểu, dạng, cấu trúc khác nhau như làng nghề, làng nông nghiệp, làng muối, làng chài, làng ngư thương,... Điều đó làm cho Quảng Bình hình thành tám làng văn vật, được gọi là Bát danh hương: *Sơn Hà Cảnh Thổ - Văn Võ Cổ Kim (Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa, Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền, Kim Nại* như đã nói trên).

4. Kết luận

Như vậy, tiếp cận địa danh làng xã Quảng Bình từ góc độ ngôn ngữ học đã cho thấy sự đa dạng của văn hóa Quảng Bình thể hiện qua sự đa dạng của địa danh.

Địa danh làng xã Quảng Bình thể hiện quá rõ nét sự gắn bó lẫn nhau giữa các phương diện văn hóa sinh hoạt, văn hóa lao động sản xuất và văn hóa vũ trang. Trong địa danh làng xã Quảng Bình còn có sự giao thoa của văn hóa Việt, văn hóa Hán, văn hóa Chăm, một đôi nét của văn hóa Ấn Độ và văn hóa các dân tộc thiểu số khác. Đây là hệ quả của quá trình cộng cư của các lớp cư dân đến từ các vùng văn hóa sông Hồng, sông Lam... và lớp cư dân bản địa từ ngàn xưa. Trong quá trình giao lưu văn hóa, các yếu tố văn hóa ngoại sinh dần bị lu mờ chỉ còn nổi bật một cấu trúc, một thiết chế văn hóa có tính chất tổng hòa mang đặc trưng riêng của vùng đất Quảng Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1977.
- [2] Trần Hùng - Trần Hoàng, *Quảng Bình di tích và danh thắng*, T1,2 Sở văn hóa và Thông tin Quảng Bình, 1990.
- [3] Tạ Đình Nam, *Làng xã văn hóa Quảng Bình*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh 2001.
- [4] Lương Duy Tâm, *Địa lý lịch sử Quảng Bình*, Bảo tàng tổng hợp Quảng Bình 1986.
- [5] Hoàng Tất Thắng, *Biên soạn địa danh văn hóa lịch sử Quảng Bình phục vụ du lịch*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh 2004.
- [6] Nguyễn Tú, *Quảng Bình non nước và lịch sử*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình 1998.

(BBT nhận bài: 05/10/2015, phản biện xong: 15/10/2015)